

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 26-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cho

Ông Nguyễn Trọng Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1978 tại A, Kiên Giang; CCCD số 091078016089; Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: Ngu phủ; trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thuận A (chết) và bà Phạm Thị P; vợ là Huỳnh Thị M (đã ly hôn và chưa có con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 18/7/1998 bị Chủ tịch UBND tỉnh K ra quyết định số: 2472/QĐ-UB đưa đi cơ sở giáo dục thời gian 18 tháng; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/11/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/8/1981 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Lê Thị T2 (chết); vợ là Trần Thị L (đã ly hôn) và có 02 con (sống với mẹ); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Tiến N1, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 04/5/2023 Nguyễn Văn T đi bộ đến nhà Nguyễn Hoàng N thuộc ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang chơi và uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì rủ nhau đi quán cháo ở dưới bến Trung tâm y tế huyện A uống rượu tiếp và hết nửa lít thì nghỉ, cả hai thuê xe ôm đi về nhà của N. Đến khoảng 23 giờ thì N thức dậy rủ T đi đến nhà người chị ở kênh công nghiệp uống rượu tiếp thì T đồng ý. Khi cả hai đi đến cầu treo Thờ 11 thuê xe ôm chở đi đến công nghiệp đầu lộ X thì N kêu xe ôm dừng lại trả tiền xe 80.000 đồng. Sau đó, bị can N đội đèn pin lên đầu cùng với T đi về hướng kênh công nghiệp được một đoạn khoảng 1 km thì nhìn thấy chiếc vỏ máy Composite dài khoảng 8,5m có đặt máy Honda 5.5Hp của ông Nguyễn Tiến N1 dưới bến thì nảy sinh ý định lấy trộm nên nói với N “Tao đi hết nổi rồi”, N ra ám hiệu chỉ tay vào chiếc vỏ thì T hiểu ý đi xuống mở dây vỏ bơi đi, còn N thì thấy trên nhà có người nên đi bộ một đoạn thì T ghé vỏ rước đi. Trên đường đi thì T đau bụng, kêu N ghé vào bờ để đi vệ sinh. Trong lúc T đi vệ sinh N giật máy chạy đến nhà chị Nguyễn Thị Mỹ N2 ở ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang gửi vỏ máy xong thì N thuê xe ôm về nhà ở ấp M ngủ đến 10 giờ thì bị Công an xã mời lên làm việc về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với bị can T khi đi vệ sinh xong thì không biết N chạy vỏ máy đi đâu nên đi bộ một đoạn thì phát hiện vỏ Composite hiệu Đức Tài dài 6,3m máy hiệu vangua 6.5Hp của bà Phạm Thị S đậu dưới bến sông thuộc ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. T đi đến mở dây lấy vỏ chạy về hướng K, rồi chạy vô Kênh Ba T3 uống rượu với ông Năm M1 cho đến chiều ngày 05/5/2023. Sau đó, T chạy vỏ về ấp M nhưng mới chạy về Cầu Lung thuộc Khu phố D, TT Thờ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì bị Công an mời về làm việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: 01 vỏ máy Composite màu xanh trắng dài 8,5m mua vào năm 2020: 3.500.000 đồng; 01 máy Honda 5,5 Hp mua năm 2020: 1.000.000 đồng; 01 vỏ Composite màu xanh,

trắng hiệu Đức Tài dài 6,3m mua năm 2013: 2.500.000 đồng; 01 máy Vanguard 6,5 Hp mua năm 2020: 2.500.000 đồng. Tổng cộng: 9.500.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng, ngày 05/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ số vật chứng sau: 01 vỏ máy Composite màu xanh trắng dài 8.5m, máy Honda 5.5 Hp; 01 vỏ Composite màu xanh, trắng dài 6.3m hiệu Đức Tài, máy Vanguard 6.5 Hp. Ngày 19/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Nguyễn Tiến N1 01 vỏ máy Composite màu xanh trắng dài 8.5m, máy Honda 5.5 Hp. Trả lại cho bà Phạm Thị S 01 vỏ Composite màu xanh, trắng dài 6.3m hiệu Đức Tài, máy Vanguard 6.5 Hp.

Về trách nhiệm dân sự, ông Nguyễn Tiến N1 và Phạm Thị S đã nhận lại toàn bộ tài sản đã bị mất nên không có yêu cầu gì thêm

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-AM ngày 23/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Hoàng Nam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N phạm tội Trộm cắp tài sản và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị không xem xét.

- Bị cáo T và N trình bày: Thừa nhận thực hiện hành vi như cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã biết lỗi, hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Thấy họ không có yêu cầu gì, đã có lời khai nên tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

[2.1] Vào khuya ngày 04/5/2023, rạng sáng ngày 05/5/2023 tại ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N đã lợi dụng sơ hở và lén lút lấy trộm 01 vỏ máy Composite màu xanh trắng dài 8,5m, 01 máy Honda 5.5Hp của ông Nguyễn Tiến N1, tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 4.500.000 đồng.

Sau khi lấy tài sản của ông N1 xong thì Nguyễn Hoàng N điều khiển vỏ máy chạy đi nơi khác, lúc này Nguyễn Văn T đi bộ được một đoạn thì phát hiện vỏ máy của bà Phạm Thị S đậu dưới mé sông, không người trông giữ nên tiếp tục lấy trộm 01 vỏ Composite màu xanh, trắng dài 6,3m, hiệu Đức Tài, 01 máy Vanguard 6.5Hp, theo kết luận định giá có tổng giá trị là 5.000.000 đồng.

[2.2] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo T và N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là phạm tội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, nên thuộc trường hợp phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo T và N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ; tài sản bị cáo T và N chiếm đoạt của ông N1 có tổng giá trị 4.500.000 đồng; các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông N1 nên xác định là đồng phạm nhưng chỉ ở mức độ giản đơn. Ngoài ra bị cáo T còn chiếm đoạt tài sản của bà S có tổng giá trị theo định giá là 5.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, tính chất của vụ án: Khuya ngày 04/5/2023, rạng sáng ngày 05/5/2023 bị cáo Nguyễn Văn T đã liên tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của ông N1 và bà S, tài sản bị cáo lấy trộm theo kết luận định

giá đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng N** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân nên cần có hình thức xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo **T**, **N** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo **T** có cha ruột là người có công Cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3.3] Về quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng tuy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra và nhằm phòng ngừa, răn đe, cảnh tỉnh chung. Bị cáo **T** thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên mức hình phạt sẽ cao hơn đối với bị cáo **N**. Riêng bị cáo **N** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, việc không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tập trung không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, vẫn bảo đảm được tính giáo dục, HĐXX thống nhất áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí, các bị cáo **T** và **N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Hoàng N** phạm tội Trộm cắp tài sản.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 07 (bảy)

tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/11/2023.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 26-3-2024) về tội Trộm cắp tài sản.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-3-2024)./.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- UBND X. Vân Khánh, AM, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công